

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2025/HS-ST

Ngày: 26-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hoàng An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm.

2. Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thiện Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2025/TLST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân T, sinh năm 1981, tại tỉnh Thanh Hóa; hộ khẩu thường trú: Tổ 10, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha là Nguyễn Duy K (đã chết) và mẹ là Lê Thị N, sinh năm 1954; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án:

- Ngày 05/6/2000, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước xử phạt 14 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân” đối với hành vi phạm tội thực hiện ngày 03/01/2000 theo Bản án số 67/HSST. Bị cáo kháng cáo. Ngày 21/9/2000, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước quyết định giữ nguyên Bản án số 67/HSST ngày 05/6/2000. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 13/3/2001. Đối với phần án phí hình sự sơ thẩm, phúc thẩm, qua xác minh thì Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Long không thụ lý đối với hồ sơ của Nguyễn Xuân T;

- Ngày 02/01/2004, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước xử phạt 20 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” đối với hành vi phạm tội thực hiện ngày 11/4/2003 theo Bản án số 01/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù

vào ngày 23/5/2005. Ngày 01/3/2006, bị cáo chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm;

- Ngày 04/6/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” đối với hành vi thực hiện phạm tội ngày 26/01/2001 theo Bản án số 157/2009/HSST. Ngày 24/3/2011, bị cáo chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm;

- Ngày 19/7/2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” đối với hành vi phạm tội thực hiện ngày 11/7/2008, buộc liên đới bồi thường cho Trung tâm viễn thông Bình Long số tiền 2.345.000 đồng theo Bản án số 23/HSST. Tổng hợp Bản án số 157/2009/HSST ngày 04/6/2009 của Tòa án nhân dân huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 06 năm tù. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 26/10/2014. Về bồi thường dân sự, án phí dân sự và hình sự sơ thẩm, qua xác minh tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước không lưu trữ hồ sơ thi hành án của Nguyễn Xuân T. Kết quả ghi chú của Trại giam An Phước, bị cáo chưa chấp hành;

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 30/11/2006, bị Công an huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước khởi tố về tội “Trộm cắp tài sản” đối với hành vi thực hiện ngày 17/11/2006, 18/11/2006, 19/11/2006. Ngày 20/8/2008, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước ra Quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với bị can số 04 cho đến nay.

Bị cáo bị bắt truy nã, tạm giam từ ngày 16/02/2024 cho đến nay; có mặt.

Bị hại:

1. Bà Lê Thị N, sinh năm 1977.

Hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã P, thành phố B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. Ông Bùi Văn H, sinh năm 1976.

Hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã P, thành phố B, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Xuân T làm nghề lắp cửa sắt và sinh sống cùng vợ tại khu phố An Sơn, phường An Điền, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Quá trình sinh sống, T quen biết với bà Lê Thị N do ở cùng quê.

Tháng 01/2018, bà N có thuê T sửa chữa lại mái tôn, lắp đặt hệ thống điện tại tiệm tạp hóa Đ của gia đình ở ấp Bến Liễu, xã Phú An, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Quá trình sửa chữa nhà, T nắm được sinh hoạt hàng ngày của gia

đình bà N và biết được cách bố trí trong cửa tiệm nên nảy sinh ý định lấy trộm tài sản trong nhà đem đi bán lấy tiền tiêu xài.

Khoảng 02 giờ sáng ngày 08/7/2018, T đi bộ đến tiệm tạp hóa Đ và trèo lên trên mái tôn của cửa tiệm. T thấy một quả bóng tròn màu xanh nằm trên mái tôn nên lấy quả bóng chèn vào mái tôn, nâng lên và trèo vào trong tiệm. Sau đó, T tháo bỏ các dây camera lắp đặt trong cửa tiệm và lén lút đi đến tủ trưng bày điện thoại. T dùng tay giật mạnh làm cho cửa kính tủ trưng bày điện thoại bị vỡ và dùng tay gom lấy 09 điện thoại di động (01 điện thoại di động hiệu Oppo A37, 01 điện thoại di động hiệu Oppo A39, 01 điện thoại di động hiệu Oppo F3, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S3, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J3, 01 điện thoại di động hiệu Hotwav Cosmos V15, 01 điện thoại di động hiệu Masstel N6, 01 điện thoại di động hiệu OBI S507) trong tủ trưng bày. Lúc này, bà N đang ngủ trong phòng riêng thì giật mình thức giấc vì nghe tiếng kính vỡ phát ra từ sảnh bán tạp hóa phía trước nhà. Bà N ra khỏi phòng, bật công tắc điện lên, T thấy vậy liền chụp một cái xô gần đó đội lên đầu để bà N không nhận ra T. Bà N tri hô lên. T liền chạy đến bên cửa hông bên phải của tiệm tạp hóa. Tại đây, T ném cái xô đang đội trên đầu rồi mở cửa bên hông tiệm chạy ra phía sau của dãy nhà trọ, rồi băng qua nương nước chạy về nhà trọ của T ở khu phố An Sơn, T cởi quần áo dính bùn đất lại, thay quần áo mới rồi bỏ trốn về huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Đối với bà N, sau khi phát hiện T lấy trộm tài sản, bà N đã trình báo Công an xã Phú An. Sau đó, vụ việc được chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Cát để giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ: Tại hiện trường thu giữ: 01 (một) đôi dép xốp màu đen, 01 (một) trái banh bằng nhựa màu xanh, 01 (một) cái kim kim loại màu trắng, 01 điện thoại di động hiệu Masstel N6 màu vàng, 01 điện thoại di động hiệu OBI S507 màu đen, bị bể màn hình. Tại nhà của T thu giữ 01 cái quần jean dài màu xanh dính bùn đất bốc mùi hôi do bị lộn ngược vứt bỏ trên nền nhà.

Tại Cơ quan điều tra, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của T phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án. Trường khai: T không nhớ rõ số lượng điện thoại di động mà T trộm, quá trình bỏ trốn T đã làm rơi hết số điện thoại trộm được.

Theo Kết luận số về việc định giá tài sản ngày 13/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Bến Cát, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Oppo A37 trị giá 4.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Oppo A39 trị giá 5.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Oppo F3 trị giá 6.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S3 trị giá 2.700.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 trị giá 6.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J3 trị giá 3.500.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Hotwav Cosmos V15 trị giá 3.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Masstel N6 trị giá 2.700.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu OBI S507 trị giá 2.700.000 đồng. Tổng trị giá 35.600.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 66/CT-VKSBC ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Nguyễn Xuân T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định Cáo trạng đã truy tố, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T mức hình phạt từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm 06 tháng tù.

* Về xử lý vật chứng:

- Ngày 13/9/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Cát, giao trả: Một điện thoại di động hiệu Masstel N6, một điện thoại di động hiệu OBI S507 cho bà N.

- Một đôi dép xốp màu đen, một trái banh bằng nhựa màu xanh, một cái kim kim loại màu trắng, một cái quần jean dài màu xanh là những vật không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

* Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường cho bà N và ông H số tiền là 31.700.000 đồng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố, bản luận tội của Viện Kiểm sát và Kết luận về việc định giá tài sản ngày 13/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Bến Cát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bến Cát, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị hại khai và liệt kê số lượng điện thoại di động mà bị cáo trộm được là 09 chiếc điện thoại gồm: Một điện thoại di động hiệu Oppo A37, một điện thoại di động hiệu Oppo A39, một điện thoại di động hiệu Oppo F3, một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S3, một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7, một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J3, một điện thoại di động hiệu Hotwav Cosmos V15, một điện thoại di động hiệu Masstel N6, một điện thoại di động hiệu OBI S507. Bị cáo khai đã trộm của bị hại nhiều chiếc điện thoại di động nhưng không nhớ rõ số lượng và loại điện thoại vì quá trình bỏ trốn, bị cáo đã làm rơi hết số điện thoại trộm được. Bị cáo không có ý kiến gì về lời khai của bị hại về tài sản mà bị cáo chiếm đoạt, đồng ý bồi thường cho bị hại và không có ý kiến gì về kết luận định giá của hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thị xã Bến Cát. Như vậy, có căn cứ xác định bị cáo thống nhất với bị hại về tài sản mà bị cáo chiếm đoạt.

Theo Kết luận số về việc định giá tài sản ngày 13/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Bến Cát, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Oppo A37 trị giá 4.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Oppo A39 trị giá 5.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Oppo F3 trị giá 6.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S3 trị giá 2.700.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 trị giá 6.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J3 trị giá 3.500.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Hotwav Cosmos V15 trị giá 3.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Masstel N6 trị giá 2.700.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu OBI S507 trị giá 2.700.000 đồng. Tổng trị giá 35.600.000 đồng.

Ngày 05/6/2000, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước xử phạt 14 tháng tù theo Bản án số 67/HSST. Bị cáo kháng cáo. Ngày 21/9/2000, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước quyết định giữ nguyên Bản án số 67/HSST ngày 05/6/2000. Bị cáo chưa được xóa án tích theo Bản án trên thì lại tiếp tục lần lượt thực hiện hành vi phạm tội theo các Bản án số 01/HSST ngày 02/01/2004 của Tòa án nhân dân huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước, Bản án số 157/2009/HSST ngày 04/6/2009 của Tòa án nhân dân huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương, Bản án số 23/HSST ngày 19/7/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 và khoản 2 Điều 73 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì đối với lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Như vậy, Cáo trạng số 66/CT-VKSBC ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức bị cáo hoàn toàn biết hành vi chiếm đoạt tài sản là trái pháp luật nhưng vì lòng tham lam tư lợi nên bị cáo đã cố tình thực hiện. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm, tương

xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm mục đích giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; một phần tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về vật chứng: Một đôi dép xốp màu đen, một trái banh bằng nhựa màu xanh, một cái kim kim loại màu trắng, một cái quần jean dài màu xanh là những vật không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 31.700.000 đồng. Đây là giá trị của những tài sản mà bị cáo chiếm đoạt được. Do đó, đối với các yêu cầu bồi thường trên của bị hại, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp nên có căn cứ để chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 04 (bốn) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 16/02/2024.

2. Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy: Một đôi dép xốp màu đen, một trái banh bằng nhựa màu xanh, một cái kim kim loại màu trắng, một cái quần jean dài màu xanh.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát).

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao: Buộc bị cáo Nguyễn Xuân T bồi thường cho bà Lê Thị N và ông Bùi Văn H số tiền 31.700.000 đồng (ba mươi một triệu bảy trăm nghìn đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lê Thị N và ông Bùi Văn H cho đến khi thi hành án xong, bị cáo còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian phải thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Xuân T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.585.000 đồng (một triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Công an thành phố Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Nhà tạm giữ CA thành phố Bến Cát;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Ngọc Hoàng An